

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 5 năm 2021

**KẾ HOẠCH**  
**Tiếp tục cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)**  
**tỉnh Đồng Tháp năm 2021**

Năm 2020, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Đồng Tháp đạt **72,81** điểm, xếp thứ 2 trên bảng xếp hạng cả nước, thuộc Nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế “*rất tốt*”. Để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh năm 2021 và những năm tiếp theo, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục nâng cao nhận thức và hành động của các ngành, các cấp thực hiện chủ trương “*Chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp*”; nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư; không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng điều hành nhằm mục đích cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh vì sự phát triển của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**2. Mục tiêu cụ thể**

Phấn đấu điểm số PCI tỉnh Đồng Tháp năm 2021 đạt **74,81** điểm, tăng **02** điểm so với năm 2020 và duy trì trong Nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế “*rất tốt*” trên cả nước.

Trong đó, quan tâm cải thiện các Chỉ số thành phần như sau:

- Tập trung cải thiện điểm số của các Chỉ số thành phần **có trọng số cao**, ảnh hưởng trực tiếp đến điểm số PCI như: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (20%), Đào tạo lao động (20%), Tính minh bạch (20%), Chi phí không chính thức (10%).

- Cải thiện điểm số các Chỉ số thành phần sụt giảm trong năm 2020, như: Cạnh tranh bình đẳng (*giảm 0,45 điểm*); Tính năng động (*giảm 0,15 điểm*).

- Duy trì và cải thiện các chỉ số tăng điểm năm 2020 như: Gia nhập thị trường (*tăng 0,81 điểm*); Tiếp cận đất đai (*tăng 0,29 điểm*); Chi phí thời gian (*tăng 1,1 điểm*); Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (*tăng 0,56 điểm*).

(Cụ thể tại Phụ lục kèm theo)

## II. YÊU CẦU

1. Yêu cầu các Sở, ban, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nắm vững nội dung các Chỉ số thành phần PCI, chủ động đề ra giải pháp thiết thực để cải thiện năng lực cạnh tranh thuộc lĩnh vực quản lý trong năm 2021 phù hợp với tình hình thực tế nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại đơn vị phụ trách; tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh, thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/1/2021 của Chính phủ, Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 19/12/2018 về việc thực hiện chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp theo Nghị quyết 139/NQ-CP của Chính phủ.

Quán triệt nâng cao nhận thức cán bộ, công chức, viên chức về tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ và sự năng động, sáng tạo của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong giải quyết các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp.

Chú trọng xây dựng các mô hình mới, hiệu quả để tạo sự lan tỏa, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, kiên quyết vượt khó và đoàn kết cùng thực hiện.

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì làm đầu mối thực hiện việc cải thiện điểm số và thứ hạng từng Chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

- Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì và cùng chịu trách nhiệm về các Chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực phụ trách.

## III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường

Mục tiêu đạt từ **8,00** điểm trở lên (tăng 0,82 điểm trở lên so với năm 2020).

*a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công, các đơn vị liên quan*

- Tiếp tục rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đầu tư so với quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp và Khởi nghiệp tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đầu tư; tiếp tục hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp trực tuyến.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai khảo sát Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh các Sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2021 nhằm tạo sự

ạnh tranh, nâng cao năng lực điều hành (theo chủ trương tại Công văn 190/UBND-THVX ngày 06/05/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh).

*b) Sở, ban, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố*

Chủ động giải quyết thủ tục hành chính chuyên ngành thuộc lĩnh vực phụ trách sau đăng ký thành lập doanh nghiệp để rút ngắn thời gian chính thức đi vào hoạt động, như: cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận về an ninh trật tự, hộ chiếu, thẻ tạm trú cho lao động nước ngoài, đánh giá tác động môi trường, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu, khí; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải,...

**2. Chỉ số Tiếp cận đất đai**

Mục tiêu đạt từ **8,00** điểm trở lên (tăng 0,04 điểm trở lên so với năm 2020).

*a) Sở Tài Nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố*

- Tiếp tục rà soát, đề xuất quy trình, thủ tục và các giải pháp nhằm duy trì, rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp xuống dưới **15** ngày. Đồng thời, có biện pháp kiểm soát và khắc phục tình trạng những nhiễu của công chức, viên chức trong việc thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai như: giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Kịp thời cung cấp thông tin về giá đất, giá đất tạm tính (kèm hệ số điều chỉnh); cập nhật, bổ sung kế hoạch sử dụng đất hàng năm để giới thiệu, thu hút đầu tư.

*b) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố*

- Chủ động rà soát quỹ đất công do nhà nước quản lý đang sử dụng chưa đúng mục đích hoặc không đạt hiệu quả cao; xây dựng phương án thu hồi và tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng; đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật và tôn trọng quyền lợi của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

*c) Sở Công Thương phối hợp với các đơn vị liên quan:*

- Phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai xây dựng đầu tư kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm tạo **“quỹ đất sạch”** cho doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

### 3. Chỉ số Tính minh bạch

Mục tiêu đạt từ **7,23** điểm trở lên (tăng 0,46 điểm trở lên so với năm 2020).

#### a) Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Công khai và kịp thời công bố thông tin về các quy hoạch đã được phê duyệt, kế hoạch sử dụng đất, danh mục dự án kêu gọi đầu tư; các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư; các thông tin về chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp,... trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng Thông tin điện tử Tỉnh và tại các trang thông tin điện tử của Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để doanh nghiệp biết, phục vụ cho định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện nghiêm quy định về đấu thầu, đảm bảo tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng theo quy định của Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc kịp thời cung cấp thông tin, trả lời kiến nghị của doanh nghiệp và người dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, công tác phòng chống tham nhũng; công khai minh bạch trong chỉ đạo điều hành để hạn chế tối đa tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng “*mối quan hệ*” trong hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện, đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, hình thức và khả năng tương tác của Cổng Thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; tăng cường cung cấp thông tin về địa chỉ truy cập đến doanh nghiệp.

#### b) Đề nghị Cục Thuế Tỉnh

Quản triệt cán bộ, công chức phụ trách thuế phải thực hiện nghiêm quy trình, quy chế trong thu nộp thuế, đảm bảo tính công khai, minh bạch, không để phát sinh các thỏa thuận sai quy định trong việc nộp thuế.

#### c) Đề nghị các Hiệp hội doanh nghiệp, Câu lạc bộ doanh nghiệp

Tiếp tục phát huy vai trò “*cầu nối*” giữa doanh nghiệp với chính quyền; tích cực tham gia phản biện chính sách của nhà nước để bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh.

Chủ động cập nhật các văn bản, cơ sở pháp lý liên quan hoạt động doanh nghiệp và cung cấp kịp thời cho doanh nghiệp để tiếp cận, nắm bắt.

### 4. Chỉ số Chi phí thời gian

Duy trì giá trị đạt từ **9,50** điểm trở lên (ngang bằng so với năm 2020).

*a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:*

Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh tiếp tục rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định, thủ tục hành chính không còn phù hợp, gây phiền hà, làm lãng phí thời gian và tăng chi phí của doanh nghiệp.

*b) Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công:*

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm thông qua việc công khai thông tin, kịp thời, đầy đủ, rõ ràng các quy định, thủ tục hành chính (*quy trình, các mẫu biểu,...*), mức phí, lệ phí (*nếu có*) và thời gian giải quyết các loại thủ tục; kiểm tra, giám sát việc hướng dẫn, giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, đảm bảo chất lượng, tiến độ và thời hạn trả kết quả đúng hoặc sớm hơn quy định.

- Phối hợp với Bưu điện Tỉnh đẩy mạnh việc triển khai tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích tạo thuận lợi, nhanh chóng cho người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp nhận và trả lời kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thông qua Tổng đài 1022 nhanh chóng, có hiệu quả.

*c) Thanh tra Tỉnh*

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan, đơn vị đảm bảo không trùng lặp về nội dung; mỗi doanh nghiệp chỉ thanh tra, kiểm tra không quá 01 lần trong năm; công khai, minh bạch kế hoạch thanh tra, kiểm tra (trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất).

*d) Đề nghị Cục Thuế Tỉnh*

Nghiên cứu cải tiến quy trình, thủ tục nhằm rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp khi kê khai thuế, khi phải làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế; tuyên truyền, nâng cao chất lượng hỗ trợ kê khai cho người nộp thuế để gia tăng tỷ lệ kê khai thuế điện tử trên địa bàn tỉnh; có biện pháp ngăn ngừa không để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu, “*thương lượng*” với doanh nghiệp trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

*đ) Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:*

Đẩy mạnh tuyên truyền về quy trình, thủ tục hành chính đảm bảo người dân, doanh nghiệp phải nắm rõ thành phần hồ sơ và quy trình thủ tục liên quan.

Tăng cường sự phối hợp trong việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; có biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa cán bộ, công chức lợi dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây bức xúc cho doanh nghiệp.

### **5. Chỉ số Chi phí không chính thức**

Mục tiêu đạt từ **8,15** điểm trở lên (tăng 0,06 điểm trở lên so với năm 2020).

*Sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đơn đốc nhắc nhở, thực hiện các nội dung chính sau:*

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác tham mưu, đề xuất thuộc lĩnh vực phụ trách tránh sự chông chéo, đùn đẩy, tạo cơ hội hình thành các tiêu cực, nhũng nhiễu.

- Thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao gây khó khăn cho doanh nghiệp; chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là những người trực tiếp giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp.

- Rà soát lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức kịp thời phát hiện và thay thế những người kém phẩm chất, yếu năng lực, có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác phòng và chống tham nhũng; kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước, tăng cường kỷ luật kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thật sự trong sạch, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công tác.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Cổng dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống thông tin “*một cửa điện tử*”; đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 liên quan đến doanh nghiệp; thường xuyên cập nhật, công khai đầy đủ thông tin trên các Trang (Cổng) thông tin điện tử Sở, ban, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

### **6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng**

Mục tiêu đạt từ **8,00** điểm trở lên (tăng 0,44 điểm trở lên so với năm 2020).

*a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:*

Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; công khai, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, cơ chế chính sách, thủ tục hành chính về đất đai, tín dụng, khai thác tài nguyên, thuế, ưu đãi đầu tư,...nhằm tạo môi trường cạnh tranh công bằng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

*b) Sở, ban, ngành Tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công*

Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng “mối quan hệ” để có được những ưu đãi đặc biệt, chính sách riêng (*hợp đồng kinh tế; khai thác tài nguyên; đấu thầu, chỉ định thầu; giao, cho thuê đất đầu tư, sản xuất kinh doanh...*) gây bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

## **7. Chỉ số Tính năng động**

Mục tiêu đạt từ **8,37** điểm trở lên (tăng 0,15 điểm so với năm 2020).

*Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quán triệt, thực hiện các nhiệm vụ sau:*

- Chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền; không đùn đẩy trách nhiệm. Phát huy tính năng động, sáng tạo của lãnh đạo các cấp trong thực thi các chính sách pháp luật nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

- Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tháo gỡ khó khăn, tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh; đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chủ trương, chính sách từ tỉnh đến cơ sở.

- Chủ động phối hợp với các ngành, các cấp trong việc giải quyết các yêu cầu, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương “*đồng hành cùng doanh nghiệp*”; tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp qua nhiều kênh giao tiếp, nhằm lắng nghe ý kiến đề xuất, kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả.

## **8. Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp**

Mục tiêu đạt từ **6,76** điểm trở lên (tăng 0,09 điểm trở lên so với năm 2020).

*a) Sở Công Thương*

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường; đẩy mạnh kết nối cung cầu để tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, nông sản; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiêu thụ hàng hoá của tỉnh.

- Triển khai các chương trình, đề án khuyến công hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng sức cạnh tranh sản phẩm.

- Phối hợp Cục Quản lý thị trường tăng cường các hoạt động quản lý thị

trường, chống gian lận thương mại và buôn lậu.

*b) Sở Kế hoạch và Đầu tư*

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm, có thế mạnh của tỉnh.

- Tiếp tục phát huy vai trò của Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp và Khởi nghiệp; triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham mưu xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

*c) Sở Tư pháp*

Tiếp tục tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp như: tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật về các Hiệp định thiết thực mà Việt Nam đã ký kết cho các doanh nghiệp nắm, giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật; xem xét thành lập chuyên mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cổng thông tin của Sở.

*d) Sở Khoa học và Công nghệ*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác hỗ trợ cung cấp thông tin, kiến thức về khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đến các doanh nghiệp.

## **9. Chỉ số Đào tạo lao động**

Mục tiêu đạt từ **6,75** điểm trở lên (tăng 0,02 điểm so với năm 2020).

*a) Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị liên quan*

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề; xây dựng nội dung, chương trình đào tạo phù hợp nhằm nâng cao kỹ năng, tay nghề cho người lao động, đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Xây dựng dữ liệu về lao động đi làm việc ở nước ngoài trở về nước, lao động thất nghiệp, lao động tốt nghiệp trung học phổ thông không vào học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp để tổ chức tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề.

- Thực hiện tốt công tác dự báo, định hướng phát triển các ngành nghề trọng điểm; ưu tiên và gắn kết giữa đào tạo nghề với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương, các ngành nghề có nhu cầu sử dụng lao động chất lượng cao của Tỉnh để huy động nguồn lực, đầu tư tập trung. Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ đào tạo nghề.

- củng cố công tác tư vấn giới thiệu việc làm; giới thiệu việc làm gắn với việc kiểm tra chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động; tạo



điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp cung ứng lao động, giới thiệu việc làm hoạt động. Đồng thời, nâng tần suất và chất lượng các phiên giao dịch việc làm, đa dạng hóa hình thức tổ chức, vận động sự tham gia của các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề và thu hút nhiều đối tượng lao động tham gia.

- Tăng cường kết nối giữa người lao động với doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nắm bắt nhu cầu lao động của doanh nghiệp; phát triển hệ thống tin thị trường lao động, việc làm, thông tin cung - cầu nhân lực.

*b) Sở Giáo dục và Đào tạo*

Tiếp tục cải thiện chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh; phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc định hướng nghề nghiệp ở bậc phổ thông.

**10. Chỉ số Thiết chế pháp lý**

Mục tiêu đạt từ **8,50** điểm trở lên (tăng 0,18 điểm trở lên so với năm 2020).

*a) Sở Tư pháp*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng hoá hình thức phổ biến kiến thức về chính sách, pháp luật của nhà nước cho cộng đồng doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện cho các Đoàn Luật sư, các tổ chức tư vấn pháp lý trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; khuyến khích các đoàn thể, Hiệp hội, tổ chức tham gia và đa dạng hoá các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

*b) Đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh*

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, phán quyết công bằng, đúng pháp luật để cộng đồng doanh nghiệp tin tưởng, tôn trọng sự bảo vệ của pháp luật.

- Có biện pháp kiểm soát, khắc phục tình trạng doanh nghiệp sử dụng các khoản chi phí không chính thức khi quyết định chọn cơ quan Tòa án làm cơ quan giải quyết tranh chấp.

*c) Đề nghị Cục Thi hành án Dân sự Tỉnh*

Tổ chức công tác thi hành án có hiệu quả đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Trong đó, ưu tiên nguồn lực cho việc tổ chức thi hành án liên quan đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng, ngân hàng, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

*d) Đề nghị Công an Tỉnh*

Tăng cường công tác phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trên địa bàn; tạo môi trường an ninh, lành mạnh; không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Căn cứ nội dung kế hoạch này, giao Thủ trưởng Sở, ban, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo thực hiện, xây dựng kế hoạch cụ thể để cải thiện các Chỉ số thành phần theo nhiệm vụ được phân công; thực hiện chế độ kiểm tra định kỳ 6 tháng để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đôn đốc việc thực hiện tại đơn vị, địa phương mình.

Đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) **trước ngày 01 tháng 12 năm 2021.**

**2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan tổ chức triển khai và theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này.

Thực hiện đánh giá phân tích kết quả cải thiện PCI năm 2021 (ngay sau khi công bố), báo cáo UBND Tỉnh; đồng thời đề xuất phương hướng cải thiện trong năm tiếp theo.

**3.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp và các tổ chức chính trị, xã hội tham gia giám sát, phản biện trong thực thi chính sách, pháp luật và bảo vệ quyền lợi ích của doanh nghiệp.

**4.** Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc phải kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế./.

***Nơi nhận:***

- TT/Tỉnh ủy; TT/HĐND;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng TM&CN Việt Nam;
- CT và các PCT tỉnh;
- Các sở, ban, ngành Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND Tỉnh;
- NC/VPUBND Tỉnh;
- Lưu: VT, THVX (Thư).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Thiện Nghĩa**

**Phụ lục**  
**CÁC CHỈ TIÊU PCI ĐỒNG THÁP NĂM 2021**  
*(Ban hành kèm Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Biểu A: Mục tiêu phấn đấu của 10 chỉ số thành phần năm 2021**

TT	Chỉ số thành phần	Trọng số	Năm 2020		Kế hoạch năm 2021			
			Giá trị	Điểm PCI	Giá trị	Điểm PCI	Giá trị tăng so năm 2020	Điểm PCI tăng so năm 2020
1	Gia nhập thị trường	5	7,18	3,59	8,00	4,00	0,82	0,41
2	Tiếp cận đất đai	5	7,96	3,99	8,00	4,00	0,04	0,02
3	Tính minh bạch	20	6,77	13,54	7,23	14,45	0,46	0,90
4	Chi phí thời gian	5	9,50	4,75	9,50	4,75	0,00	0,00
5	Chi phí không chính thức	10	8,09	8,09	8,15	8,15	0,06	0,06
6	Cạnh tranh bình đẳng	5	7,56	3,78	8,00	4,00	0,44	0,22
7	Tính năng động	5	8,22	4,11	8,37	4,19	0,15	0,07
8	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	20	6,67	13,34	6,76	13,52	0,09	0,18
9	Đào tạo lao động	20	6,73	13,46	6,75	13,50	0,02	0,04
10	Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	5	8,32	4,16	8,50	4,25	0,18	0,09
	<b>Tổng Điểm</b>	<b>100</b>		<b>72,81</b>		<b>74,81</b>		<b>+2,00</b>

**Biểu B: Mục tiêu phấn đấu giá trị 10 chỉ số thành phần năm 2021****1. Gia nhập thị trường**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>KH Năm 2021</b>	<b>Phụ trách</b>
	<b>Giá trị</b>	<b>6,37</b>	<b>7,18</b>	<b>8,00</b>	
1	Số ngày ĐKDN - số ngày (giá trị trung vị).	7	6		Sở KH&ĐT
2	Số ngày thay đổi nội dung ĐKDN- (trung vị).	8,5	3		
3	Phải chờ hơn một tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN).	3	18		Các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố
4	Phải chờ hơn ba tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN).	3	6		
5	Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện (%))	59	55		Sở KH&ĐT
6	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: được niêm yết công khai (% đồng ý)	30	63		
7	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%)	57	79		
8	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn(%)	30	47		
9	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: CB nhiệt tình, thân thiện(%)	73	84		
10	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	20	39		

## 2. Tiếp cận đất đai

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH Năm 2021	Phụ trách
	<b>Giá trị</b>	<b>7,67</b>	<b>7,96</b>	<b>8,00</b>	
1	Tỉ lệ DN có mặt bằng KD và có Giấy chứng nhận QSDĐ (%)	50	64		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện
2	Số ngày chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ (trung vị) * <sup>(1)</sup>	15	10		
3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất thấp, 5: rất cao)*	1,41	1,38		
4	DN không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý).	61	67		
5	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%) *	18	15		
6	Giải phóng mặt bằng chậm (%) *	7	4		
7	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, không nhanh chóng (%) *	25	19		
8	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% đồng ý)	33	54		
9	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	84	91		
10	DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	42	29		
11	Không có GCNQSDĐ do ngại TTHC rườm rà/Cán bộ những nhiều (%)*	8	12		

**Ghi chú:** Các chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu “ngịch” (giá trị khảo sát đạt càng lớn thì điểm số PCI đạt được càng nhỏ). Các chỉ tiêu không có dấu \* là chỉ tiêu “thuận” (giá trị khảo sát đạt được càng lớn, điểm số PCI đạt được càng lớn).

### 3. Tính minh bạch

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH Năm 2021	Phụ trách
	<b>Giá trị</b>	<b>7,27</b>	<b>6,77</b>	<b>7,23</b>	
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	2,56	2,72		Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1= Không thể; 5= Rất dễ)	3,34	3,26		
3	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý).	90	89		Sở Tài chính
4	Thông tin mời thầu được công khai (%)	44	68		Các Sở, ngành và các Chủ đầu tư
5	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	80	56		Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố
6	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp *	3	2		
7	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (%) *	61	58		
8	'Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%) *	37	54		Cục Thuế
9	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (%) *	14	14		Các Sở, ngành, UBND chuyên, thành phố
10	HHDN có vai trò quan trọng trong xây dựng CS, quy định của tỉnh (%)	55	71		HHDN; Hội DN trẻ
11	Điểm số độ mở và chất lượng trang web của tỉnh.	37,25	30,50		Văn phòng UBND Tỉnh
12	Tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào website của tỉnh (%)	82	67		

#### 4. Chi phí thời gian

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH Năm 2021	Phụ trách
	<b>Giá trị</b>	<b>8,40</b>	<b>9,50</b>	<b>9,50</b>	
1	% DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước	25	24		Các Sở, ngành, UBND UBND huyện, thành phố
2	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	88	96		
3	CB án bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	89	96		
4	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	68	81		
5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	71	80		
6	Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	98	99		
7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)	76	87		
8	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm (%)	4	0		
9	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	9	4		
10	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	5,5	4		Cục Thuế
11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN (%)	6	3		Các Sở, ngành, UBND cấp huyện

## 5. Chi phí không chính thức

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH Năm 2021	Phụ trách
	<b>Giá trị</b>	<b>7,64</b>	<b>8,09</b>	<b>8,15</b>	
1	Các doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CP không chính thức (%) *	39	37		Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố
2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả CP không chính thức (% luôn luôn/hầu hết)	52	56		
3	Tình trạng những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến (% Đồng ý) *	37	32		
4	Các khoản CP không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	84	88		
5	Tỉ lệ doanh nghiệp có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%) *	19	13		
6	Tỷ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại Chi phí không chính thức *	7	4		
7	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai (%) *	18	0		
8	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý) *	24	27		
9	DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%) *	19	23		



## 6. Cạnh tranh bình đẳng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH Năm 2021	Phụ trách
	<b>Giá trị</b>	<b>8,01</b>	<b>7,56</b>	<b>8,00</b>	
1	Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN (% Đồng ý) *	23	23		Văn phòng UBND tỉnh
2	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý) *	17	16		
3	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý) *	14	16		
4	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% đồng ý) *	10	8		
5	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý) *	15	11		
6	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% đồng ý) *	18	12		
7	Doanh nghiệp FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn doanh nghiệp dân doanh (% đồng ý) *	32	44		
8	Tinh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực TN (% đồng ý) *	20	17		
9	Doanh nghiệp FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% đồng ý) *	15	10		
10	Doanh nghiệp FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN (% Đồng ý) *	12	8		
11	Doanh nghiệp FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý) *	13	10		
12	DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn (% Đồng ý) *	14	10		
13	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ *	59	46		
14	Ưu đãi DN lớn (NN, TN) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý) *	35	54		

## 7. Tính năng động và sáng tạo

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH Năm 2021	Phụ trách
	<b>Giá trị</b>	<b>8,37</b>	<b>8,22</b>	<b>8,37</b>	
1	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ PL nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho kinh tế tư nhân (% đồng ý)	93	90		Lãnh đạo UBND Tỉnh; Lãnh đạo các Sở, ngành; Lãnh đạo UBND các huyện, thành phố
2	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% đồng ý)	79	87		
3	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (%)	68	73		
4	Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (%)	66	75		
5	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, CS đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (%)	49	58		
6	Khi CSPL của TW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh “đợi xin ý kiến chỉ đạo” hoặc “không làm gì” (%) *	21	16		
8	Vướng mắc của DN được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại DN (%)	87	88		
9	DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)	100	100		
10	Tỉ lệ doanh nghiệp hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh (%)	97	94		

## 8. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH Năm 2021	Phụ trách
	<b>Giá trị</b>	<b>6,76</b>	<b>6,67</b>	<b>6,76</b>	
1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm qua	20	20		Sở Công Thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp; Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư; Ban Quản lý Khu kinh tế;
2	Tỷ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN (%)	0,55	0,57		
3	Tỷ lệ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư nhân và FDI trên tổng số DN cung cấp dịch vụ (%)	81	79		
4	DN đã từng sử dụng DV tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT) (%)	76	76		
5	DN đã sử dụng nhà cung cấp DV tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	58	21		
6	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	77	85		
7	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (PL) (%)	82	75		
8	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ TN cho việc tư vấn về PL (%)	41	30		
9	DN có ý định tiếp tục sử dụng DV tư vấn PL (%)	63	67		
10	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác KD (%)	62	77		
11	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp TN cho DV hỗ trợ tìm kiếm đối tác KD (%)	69	20		
12	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng DV hỗ trợ tìm kiếm đối tác KD (%)	69	73		
13	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)	83	88		
14	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)	36	6		
15	DN có ý định tiếp tục sử dụng DV XTTM (%)	60	86		

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>KH Năm 2021</b>	<b>Phụ trách</b>
16	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ (CN) (%)	70	58		
17	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp TN cho dịch vụ liên quan đến CN (%)	64	7		
18	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục SD nhà cung cấp trên cho dịch vụ liên quan đến CN (%)	64	79		
19	Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	62	71		
20	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp TN cho DV đào tạo về KT và TC (%)	46	40		
21	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về KT và TC (%)	54	67		
22	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	68	78		
23	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	47	36		
24	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	33	71		

### 9. Đào tạo lao động

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH Năm 2021	Phụ trách
	<b>Giá trị</b>	<b>6,56</b>	<b>6,73</b>	<b>6,75</b>	
1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (%)	74	79		Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thành phố; Trường Cao đẳng cộng đồng; Trường Cao đẳng Y tế
2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (%)	54	67		
3	Doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	92	79		
4	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)	64	33		
5	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng DV giới thiệu việc làm (%)	67	87		
6	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%) *	4,45	5,29		
7	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%) *	3,84	4,52		
8	Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)	88	99		
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo (%)	2	5		
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%)	6	9		
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	49	59		

### 10. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	KH Năm 2021	Phụ trách
	<b>Giá trị</b>	<b>7,76</b>	<b>8,32</b>	<b>8,50</b>	
1	Tin tưởng HTPL sẽ đảm bảo quyền tài sản/ thực thi HĐ của doanh nghiệp (%)	91	96		Sở Tư pháp; Công an Tỉnh; Ngành Tòa án; Ngành Thi hành án
2	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo CB những nhiều (%)	47	65		
3	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều doanh nghiệp (%)	48	66		
4	Doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	68	67		
5	TA các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật (%)	99	96		
6	Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	92	91		
7	TA các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý)	75	85		
8	Phán quyết của Tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý)	79	81		
9	Các CQ trợ giúp PL tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	81	88		
10	Các chi phí chính thức và chi phí không chính thức là chấp nhận được khi giải quyết tranh chấp qua TA (%)	89	89		
11	Số lượng vụ việc tranh chấp của doanh nghiệp dân doanh do Tòa án thụ lý/100 doanh nghiệp	3,22	3,02		
12	Tỉ lệ nguyên đơn ngoài Quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh (%)	91	88		
13	Tỷ lệ vụ án kinh tế đã được giải quyết trong năm (%)	69	81		
14	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	68	81		
15	Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%) *	15	17		
16	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản (%)	79	79		
17	Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, XH đen để yên ổn làm ăn (%) *	0	0.89		

**Ghi chú:** Các chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu “ngịch” (giá trị khảo sát đạt càng lớn thì điểm số PCI đạt được càng nhỏ). Các chỉ tiêu không có dấu \* là chỉ tiêu “thuận” (giá trị khảo sát đạt được càng lớn, điểm số PCI đạt được càng lớn).